

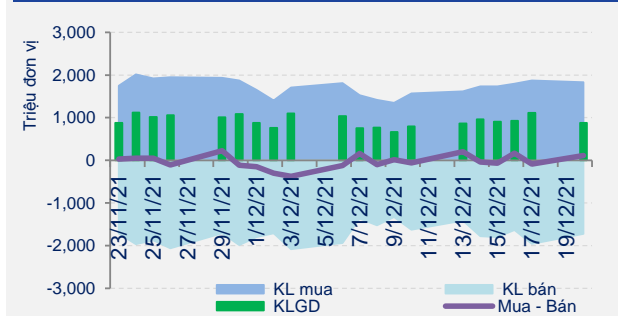
MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 20/12/2021

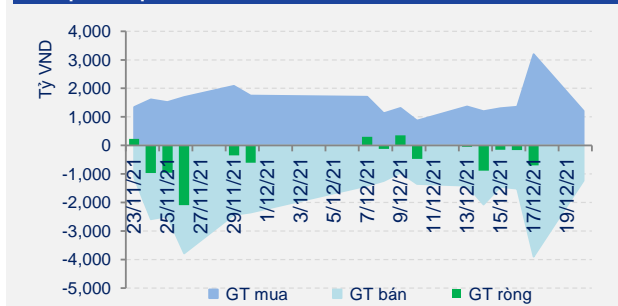
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,477.33	454.59
% Thay đổi	↓ -0.17%	↓ -0.35%
KLGD (CP)	881,574,756	131,208,591
GTGD (tỷ đồng)	26,401.82	3,914.59
Tổng cung (CP)	1,719,495,200	181,657,600
Tổng cầu (CP)	1,833,960,400	157,199,500

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	30,632,580	620,415
KL mua (CP)	30,291,880	612,784
GT mua (tỷ đồng)	1,215.09	17.23
GT bán (tỷ đồng)	1,232.38	11.93
GT ròng (tỷ đồng)	(17.29)	5.30

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↔ 0.00%	24.0	3.8	1.2%
Công nghiệp	↓ -0.79%	24.4	3.2	18.2%
Dầu khí	↓ -2.56%	18.9	2.0	1.8%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -0.32%	-	10.6	2.5%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.37%	17.8	2.9	1.0%
Hàng Tiêu dùng	↑ 0.63%	23.2	4.1	13.3%
Ngân hàng	↑ 0.66%	11.6	2.3	10.6%
Nguyên vật liệu	↓ -0.54%	11.4	2.7	10.1%
Tài chính	↓ -0.74%	22.0	3.7	38.1%
Tiền ịch Cộng đồng	↓ -0.61%	16.7	2.6	3.4%
VN - Index	↓ -0.17%	17.5	3.3	
HNX - Index	↓ -0.35%	25.1	5.0	

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường giảm nhẹ trong phiên đầu tuần với thanh khoản trung bình. Cụ thể, VN-Index giảm 2,46 điểm (-0,17%) xuống 1.477,33 điểm. Độ rộng trên sàn HOSE là tiêu cực với 183 mã tăng, 42 mã tham chiếu, 306 mã giảm. HNX-Index giảm 1,61 điểm (-0,35%) xuống 454,59 điểm. Độ rộng trên sàn HNX là tiêu cực với 105 mã tăng, 52 mã tham chiếu, 139 mã giảm. Thanh khoản khớp lệnh trên hai sàn suy giảm so với phiên cuối tuần trước và xấp xỉ mức trung bình 20 phiên với khối lượng khớp lệnh 1.029 triệu cổ phiếu tương ứng với giá trị khớp lệnh 30.050 tỷ đồng. Thị trường giao dịch với sắc xanh vào đầu phiên sáng, nhưng áp lực bán gia tăng sau đó khiến các chỉ số đồng loạt kết phiên với mức giảm nhẹ. Nhóm cổ phiếu chứng khoán thu hút dòng tiền và đồng loạt tăng giá, có thể kể đến SSI (+1,9%), VND (+6,5%), SHS (+2%), HCM (+1,8%), VCI (+2,3%), VIX (+0,6%), SBS (+3,4%)... Cổ phiếu ngân hàng có sự phân hóa với bên tăng là các cổ phiếu như VPB (+1%), STB (+1,2%), TPB (+4,7%), MSB (+0,2%), VIB (+3,8%), HDB (+0,3%), VCB (+3,1%)... và các mã giảm là TCB (-0,7%), MBB (-1,1%), SHB (-1,6%), CTG (-1,5%), ACB (-0,3%), LPB (-0,9%)... Trong nhóm VN30, có 11/30 mã tăng giá. Trong đó, đáng chú ý nhất là POW (+6,7%) tăng trần. Ở chiều ngược lại, có đến 18/30 mã là giảm, có thể kể đến VIC (-2,9%), PLX (-2,4%), GAS (-2,3%), BVH (-1,7%), GVR (-1,7%), CTG (-1,5%), PNJ (-1,4%), VHM (-1,2%), MBB (-1,1%), MWG (-1,1%)... gây áp lực điều chỉnh lên thị trường chung.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Phiên thứ năm liên tiếp mà chỉ số VN-Index (-0,17%) test lại hỗ trợ ngắn hạn quanh 1.470 điểm (MA20) rồi hồi phục từ đây. Với mức giảm nhẹ và thanh khoản xấp xỉ trung bình 20 phiên cho thấy bên mua và bên bán vẫn đang giằng co ở vùng giá hiện tại. Trên góc nhìn kỹ thuật, xu hướng tăng trong ngắn hạn của VN-Index để hướng đến ngưỡng kháng cự tâm lý 1.500 điểm vẫn chưa có gì thay đổi nên trong phiên giao dịch tiếp theo 21/12, thị trường có thể sẽ hồi phục trở lại để thu hẹp dần khoảng cách với kháng cự tâm lý 1.500 điểm. Nhà đầu tư nắm giữ tỷ trọng cổ phiếu ở mức vừa phải đã nâng tỷ trọng lên mức cao khi tham gia bắt đáy trong phiên 6/12 có thể canh những nhịp tăng điểm trong các phiên tiếp theo hướng tới kháng cự tâm lý 1.500 điểm (nếu có) để chốt lời một phần danh mục.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 20/12/2021

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index tăng điểm trong phiên giao dịch sáng, với mức cao nhất trong phiên tại 1.483,85 điểm. Nhưng từ khoảng cuối phiên sáng trở đi, áp lực bán gia tăng khiến chỉ số đảo chiều xuống sắc đỏ, với mức thấp nhất trong phiên tại 1.468,88 điểm. Kết phiên, VN-Index giảm 2,46 điểm (-0,17%) xuống 1.477,33 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: VIC giảm 3.000 đồng, GAS giảm 2.300 đồng, VHM giảm 1.000 đồng. Ở chiều ngược lại, VCB tăng 3.000 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index cũng tăng điểm trong phiên sáng, với mức cao nhất trong phiên tại 458,31 điểm. Nhưng về cuối phiên sáng, áp lực bán gia tăng khiến chỉ số giảm xuống dưới ngưỡng tham chiếu, với mức thấp nhất trong phiên tại 451,83 điểm. Kết phiên, HNX-Index giảm 1,61 điểm (-0,35%) xuống 454,59 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: KSF giảm 2.300 đồng, BAB giảm 400 đồng, IDC giảm 4.800 đồng. Ở chiều ngược lại, CEO tăng 3.000 đồng.

GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 12,24 tỷ đồng. CII là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 131,5 tỷ đồng tương ứng với 3,4 triệu cổ phiếu, tiếp theo là HSG với 41,3 tỷ đồng tương ứng với 1,1 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, VRE là mã được mua ròng nhiều nhất với 59,9 tỷ đồng tương ứng với 1,9 triệu cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 5,25 tỷ đồng. IDC là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 4,4 tỷ đồng tương ứng với 52,6 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là VE1 với 1,9 tỷ đồng tương ứng với 280,4 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, NRC là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 2,9 tỷ đồng tương ứng với 93,2 nghìn cổ phiếu.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

Năm 2021, xuất khẩu dệt may cán đích 39 tỷ USD

Năm 2021, dù chịu ảnh hưởng nặng nề của đại dịch COVID-19 nhưng xuất khẩu hàng dệt may vẫn duy trì đà tăng trưởng, kim ngạch ước đạt 39 tỷ USD, tăng 11,2% so với năm 2020.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index giảm nhẹ trong phiên giao dịch đầu tuần với thanh khoản khớp lệnh suy giảm so với phiên cuối tuần trước và xấp xỉ mức trung bình 20 phiên cho thấy là bên mua và bên bán vẫn đang giằng co ở vùng giá hiện tại.

Theo lý thuyết sóng Elliot áp dụng trên biểu đồ tuần thì có thể thấy là VN-Index vẫn đang nằm trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết trong khoảng 1.530-1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4). Và một khi vẫn được duy trì trên ngưỡng 1.350 điểm (fibonacci retracement 127,2% fibonacci retracement sóng điều chỉnh 4) thì nhận định trên không có gì thay đổi.

Với phiên giảm nhẹ này thì chỉ số VN-Index tiếp tục kết phiên trên ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn quanh 1.470 điểm (MA20). Điều này khiến cho xu hướng tăng của thị trường không có gì thay đổi và khả năng để thị trường tiếp tục xu hướng tăng để hướng đến kháng cự tâm lý 1.500 điểm trong thời gian tới là có thể xảy ra.

Trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán quay trở lại thì VN-Index có thể sẽ cần test lại ngưỡng hỗ trợ gần nhất quanh 1.470 điểm (MA20) và xa hơn là ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.450 điểm.

Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 21/12, VN-Index có thể sẽ hồi phục trở lại để thu hẹp dần khoảng cách với ngưỡng kháng cự tâm lý 1.500 điểm.



TIN TRONG NƯỚC

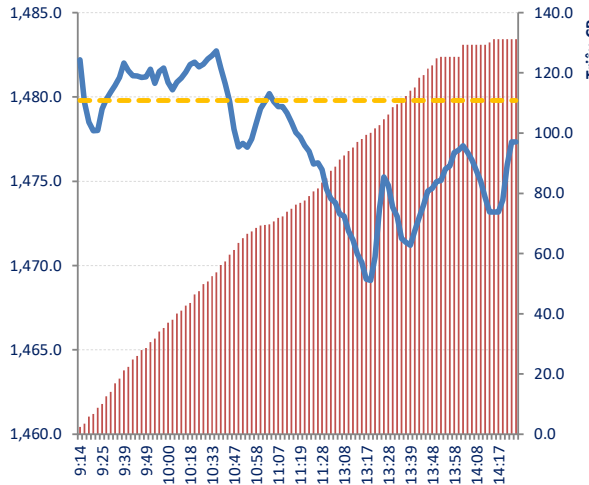
Giá vàng trong nước giảm	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 60,8 - 61,6 triệu đồng/lượng, giảm 100.000 đồng/lượng ở cả hai chiều mua vào và bán ra so với sáng nay.
Tỷ giá trung tâm giảm 13 đồng	Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 20/12 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.184 VND/USD, giảm 13 đồng so với cuối tuần qua.

TIN QUỐC TẾ

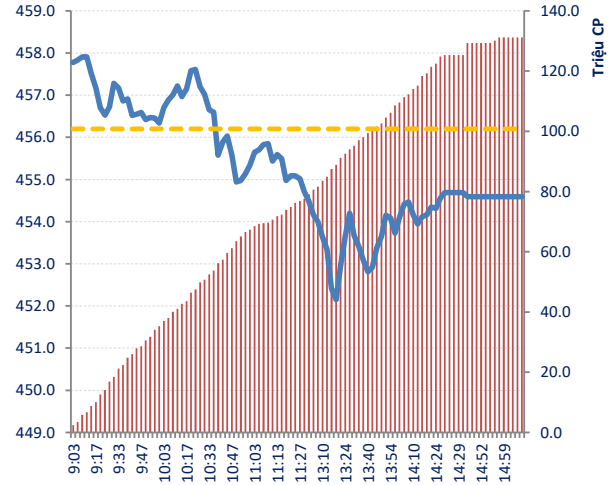
Giá vàng thế giới giảm	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới giảm 3,85 USD/ounce tương ứng với 0,22% xuống 1.800,95 USD/ounce.
Tỷ giá ngoại tệ: USD tăng	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) tăng 0,052 điểm tương ứng 0,06% lên 96,6 điểm. USD giảm so với EUR xuống: 1 EUR đổi 1,1256 USD. USD tăng so với GBP lên: 1 GBP đổi 1,3188 USD. USD giảm so với JPY xuống: 1 USD đổi 113,53 JPY.
Giá dầu thế giới giảm	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI giảm 3,38 USD/thùng tương ứng với 4,77% xuống 67,5 USD/thùng.
Chứng khoán Mỹ giảm điểm	Kết thúc phiên giao dịch ngày 17/12, Dow Jones giảm 532,2 điểm tương đương 1,48% xuống 35.365,44 điểm. Nasdaq giảm 10,75 điểm tương đương 0,07% xuống 15.169,68 điểm. Nasdaq Composite giảm 48,03 điểm tương đương 1,03% xuống 4.620,64 điểm.

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

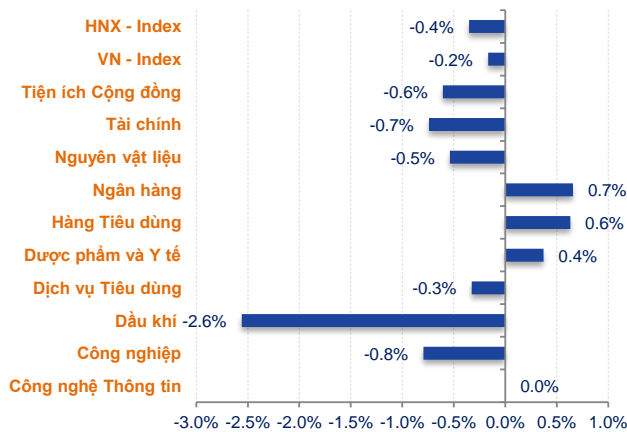
KLGD và VN-Index trong phiên



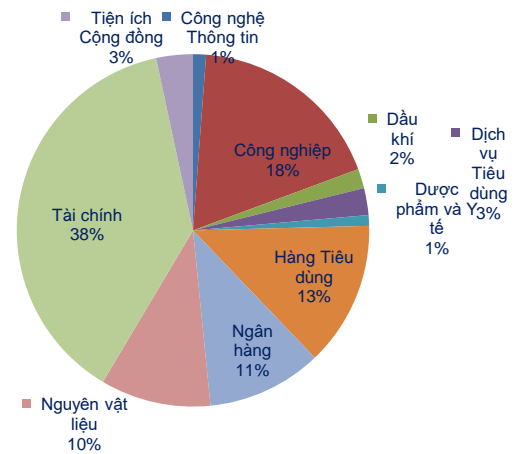
KLGD và HNX-Index trong phiên



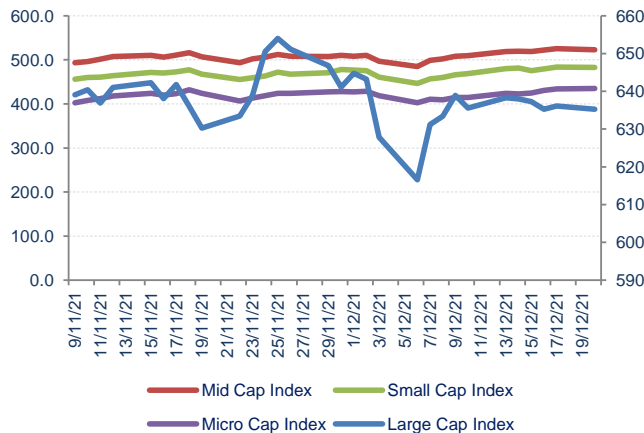
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



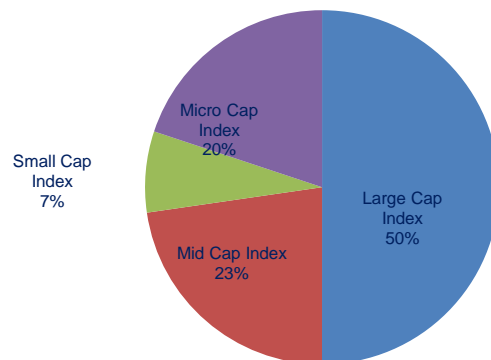
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VRE	1,929,000	CII	3,429,300
2	HDB	1,692,900	ROS	1,272,800
3	TCH	1,495,400	HSG	1,147,500
4	HPG	1,261,000	TPB	645,400
5	HHS	611,400	PC1	640,800

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VE1	280,400	KLF	188,800
2	IDC	52,600	PVG	107,400
3	BVS	38,500	NRC	93,200
4	CEO	32,497	TIG	28,500
5	SHS	29,602	KVC	20,700

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ROS	10.60	11.30	↑ 6.60%	51,435,600
HAG	12.15	12.20	↑ 0.41%	42,473,200
POW	17.10	18.20	↑ 6.43%	35,608,600
HQC	8.00	8.10	↑ 1.25%	25,504,300
FLC	17.00	17.60	↑ 3.53%	24,453,400

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
KLF	8.30	8.50	↑ 2.41%	11,993,281
SHS	51.00	52.00	↑ 1.96%	8,014,169
CEO	53.00	56.00	↑ 5.66%	7,672,375
IDC	86.80	82.00	↓ -5.53%	6,728,360
DL1	15.00	15.30	↑ 2.00%	6,472,790

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SGT	30.00	32.10	2.10	↑ 7.00%
FRT	81.50	87.20	5.70	↑ 6.99%
ACL	17.20	18.40	1.20	↑ 6.98%
YEG	18.70	20.00	1.30	↑ 6.95%
VPG	54.60	58.40	3.80	↑ 6.96%

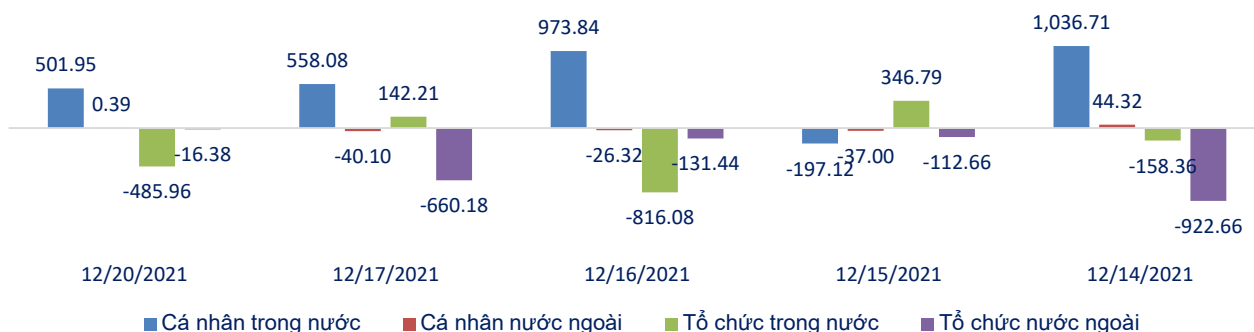
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VNT	71.10	78.20	7.10	↑ 9.99%
VCC	27.20	29.90	2.70	↑ 9.93%
PTI	51.50	56.60	5.10	↑ 9.90%
L18	61.60	67.70	6.10	↑ 9.90%
VMC	26.30	28.90	2.60	↑ 9.89%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TGG	23.60	21.95	-1.65	↓ -6.99%
CIG	15.20	14.15	-1.05	↓ -6.91%
NAV	26.30	24.60	-1.70	↓ -6.46%
TDW	37.40	35.00	-2.40	↓ -6.42%
CEE	19.70	18.60	-1.10	↓ -5.58%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PMS	23.40	21.10	-2.30	↓ -9.83%
SEB	49.00	44.50	-4.50	↓ -9.18%
LDP	36.40	33.20	-3.20	↓ -8.79%
BPC	14.70	13.60	-1.10	↓ -7.48%
QHD	48.50	45.10	-3.40	↓ -7.01%

(*) Giá điều chỉnh

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)

Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
CII	195.44	0.5%	177	203.8	1.1
GEX	114.86	8.6%	1,754	23.3	1.8
GAB	112.71	1.1%	130	1,508.4	16.6
MSN	67.99	8.4%	2,032	77.5	5.7
VHM	56.53	38.3%	8,968	9.4	3.1

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
KBC	-102.01	6.0%	1,526	37.3	2.1
VRE	-53.16	7.2%	954	32.3	2.3
HDB	-43.52	20.7%	2,813	10.5	2.0
TCH	-37.06	5.6%	1,212	20.8	1.3
AGM	-36.06	5.0%	1,240	29.8	1.5

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HHS	9.08	4.7%	715	17.7	0.9
FLC	7.71	13.1%	1,967	8.6	1.2
CTG	4.69	18.1%	3,439	9.6	1.7
HDG	2.68	17.6%	4,942	15.4	2.6
PVD	2.38	0.2%	69	405.6	0.8

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
ROS	-23.07	3.1%	324	32.7	1.0
BWE	-4.25	17.6%	3,471	13.1	2.2
NVL	-3.69	7.9%	2,083	55.3	4.2
TVS	-2.41	36.5%	4,858	10.3	3.0
VND	-2.08	19.6%	2,235	35.8	4.1

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
KBC	81.59	6.0%	1,526	37.3	2.1
AGM	36.06	5.0%	1,240	29.8	1.5
HSG	33.53	48.0%	8,817	4.1	1.6
APH	21.37	1.6%	444	78.1	1.1
VIC	19.49	2.9%	1,111	91.8	2.4

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
GEX	-114.50	8.6%	1,754	23.3	1.8
GAB	-112.69	1.1%	130	1,508.4	16.6
CII	-63.49	0.5%	177	203.8	1.1
VHM	-55.39	38.3%	8,968	9.4	3.1
MSN	-46.58	8.4%	2,032	77.5	5.7

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VRE	59.60	7.2%	954	32.3	2.3
HPG	58.86	44.7%	7,085	6.6	2.5
HDB	50.65	20.7%	2,813	10.5	2.0
TCH	37.31	5.6%	1,212	20.8	1.3
VNM	32.83	31.0%	5,037	17.0	5.3

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
CII	-133.40	0.5%	177	203.8	1.1
HSG	-41.68	48.0%	8,817	4.1	1.6
VIC	-40.33	2.9%	1,111	91.8	2.4
TPB	-25.29	23.1%	4,366	11.7	2.4
PC1	-24.89	12.5%	2,967	13.5	1.6



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ROS	51,435,600	3.1%	324	32.7	1.0
HAG	42,473,200	3250.0%	(1,220)	-	2.3
POW	35,608,600	8.6%	1,167	14.6	1.2
HQC	25,504,300	0.1%	9	905.0	0.9
FLC	24,453,400	13.1%	1,967	8.6	1.2

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
KLF	11,993,281	0.1%	6	1,365.8	0.8
SHS	8,014,169	25.5%	3,137	16.3	2.6
CEO	7,672,375	-4.7%	(606)	-	4.2
IDC	6,728,360	11.8%	1,805	48.1	5.5
DL1	6,472,790	2.0%	230	65.2	1.3

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SGT	↑ 7.0%	2.7%	356	84.4	2.2
FRT	↑ 7.0%	8.9%	1,446	56.3	4.8
ACL	↑ 7.0%	5.6%	792	21.7	1.2
YEG	↑ 7.0%	-46.0%	(11,312)	-	0.8
VPG	↑ 7.0%	60.1%	9,756	7.5	3.7

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VNT	↑ 10.0%	-16.6%	(2,477)	-	5.0
VCC	↑ 9.9%	5.1%	636	42.8	2.2
PTI	↑ 9.9%	13.1%	3,352	15.4	2.0
L18	↑ 9.9%	4.5%	683	90.2	4.4
VMC	↑ 9.9%	0.9%	156	168.8	1.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VRE	1,929,000	7.2%	954	32.3	2.3
HDB	1,692,900	20.7%	2,813	10.5	2.0
TCH	1,495,400	5.6%	1,212	20.8	1.3
HPG	1,261,000	44.7%	7,085	6.6	2.5
HHS	611,400	4.7%	715	17.7	0.9

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VE1	280,400	2.0%	117	62.3	1.2
IDC	52,600	11.8%	1,805	48.1	5.5
BVS	38,500	7.7%	1,877	20.7	1.3
CEO	32,497	-4.7%	(606)	-	4.2
SHS	29,602	25.5%	3,137	16.3	2.6

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	388,132	2.9%	1,111	91.8	2.4
VHM	367,944	38.3%	8,968	9.4	3.1
VCB	357,907	20.4%	5,696	16.9	3.3
HPG	208,885	44.7%	7,085	6.6	2.5
GAS	189,481	16.9%	4,384	22.6	3.8

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	85,400	25.2%	4,694	52.0	14.8
IDC	26,040	11.8%	1,805	48.1	5.5
KSF	21,840	8.8%	759	95.9	3.7
VCS	18,560	41.5%	11,163	10.4	3.9
BAB	16,870	8.6%	979	22.9	1.9

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
FTS	2.42	7.9%	1,165	53.7	3.3
SJF	2.39	0.5%	51	240.6	1.2
DRH	2.28	2.1%	292	74.6	1.5
PTL	2.20	2.5%	184	89.7	2.2
VOS	1.99	54.5%	2,573	7.8	3.1

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
L18	2.77	4.5%	683	90.2	4.4
SDA	2.52	3.3%	243	160.7	5.3
TTL	2.43	2.3%	324	43.2	1.0
PVL	2.35	9.9%	475	32.0	3.0
APS	2.29	22.8%	1,679	23.2	3.3



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trưởng phòng: Ngô Thế Hiện
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
